CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Xi Măng Vicem Hà Tiên

Ngày 30/09/2024	12,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.6%	**-7.0%**	**-**

DT thuần
Q3/24
1,638
tỷ VNĐ
QoQ: ▼271| -14.2%
YoY: ▲ 62.0| 3.9%

LN thuần
Q3/24
25.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.9| -35.2%
YoY: ▲ 28.5| 998%

LN sau thuế
Q3/24
22.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼23.1| -50.5%
YoY: ▲ 33.0| 320%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
2.0%
YoY: +/-▼ 1.1%

ROE (TTM)
Q3/24
2.0%
YoY: +/-▲ 0.7%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,730 - 14,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,579
Số lượng CPLH (CP)	381,589,911
KLGD BQ 20 phiên (CP)	384,075
Sở hữu nước ngoài	3.4%
Beta	0.89
EPS	257
P/E	46.8

DT thuần
9T 2024
5,041
tỷ VNĐ
YoY: ▼225| -4.3%

LN thuần
9T 2024
42.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 49.8| 637%

LN sau thuế
9T 2024
43.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 81.0| 218%

Cơ cấu cổ đông

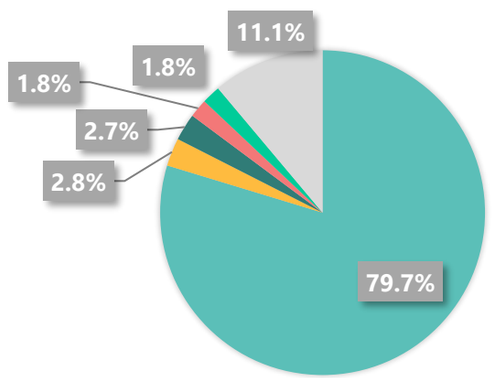

- Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
- Trần Hoàng Việt Anh
- Lê Phương Thúy
- Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Cathay Việt Nam
- Trần Thị Ngọc Anh
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

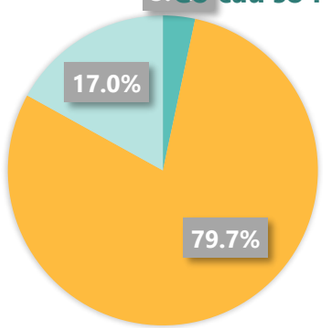

- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

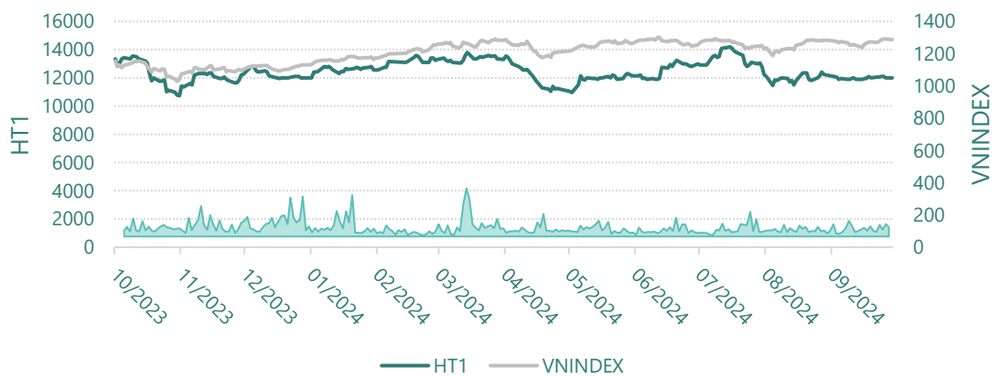

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

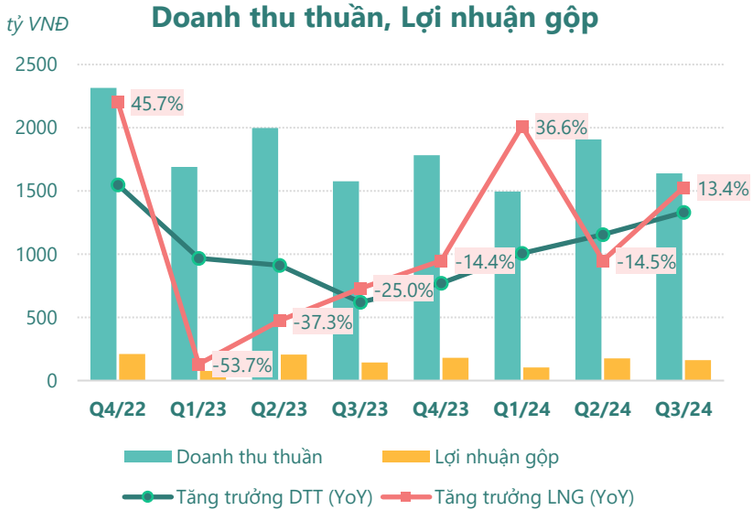

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

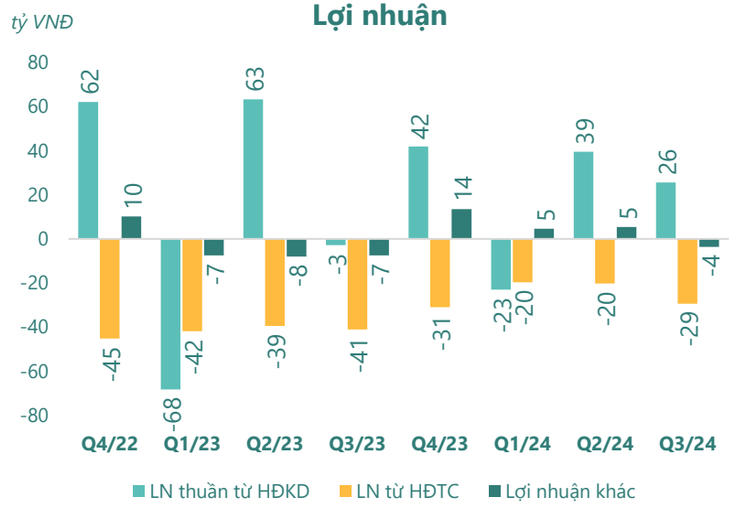

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

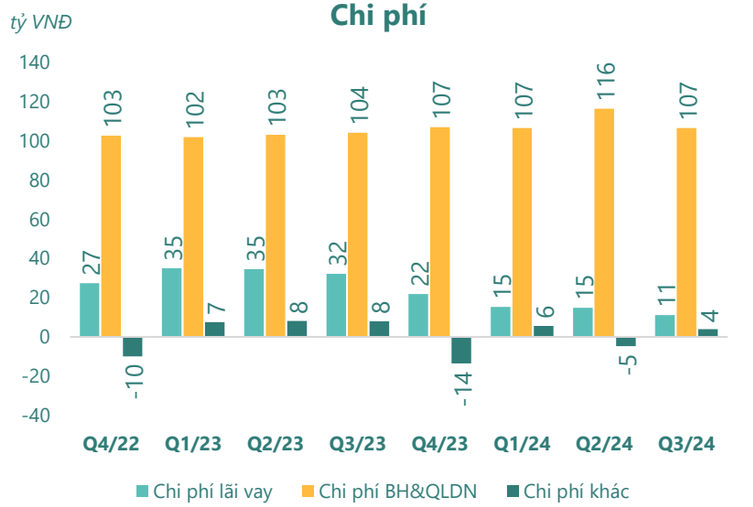

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

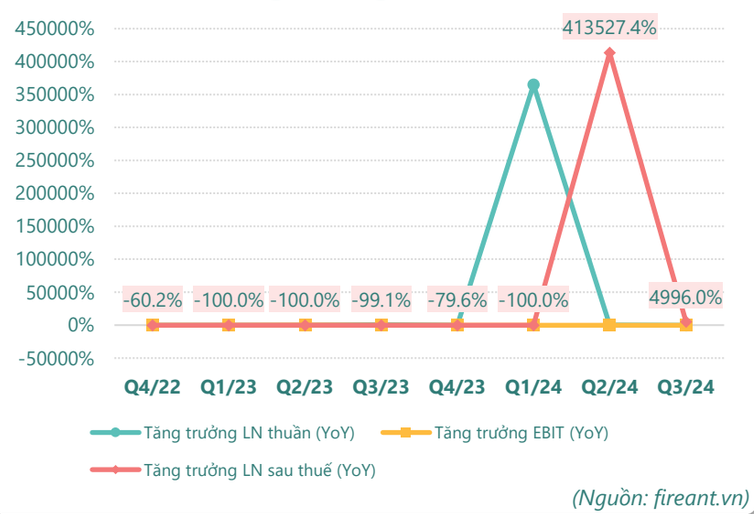

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

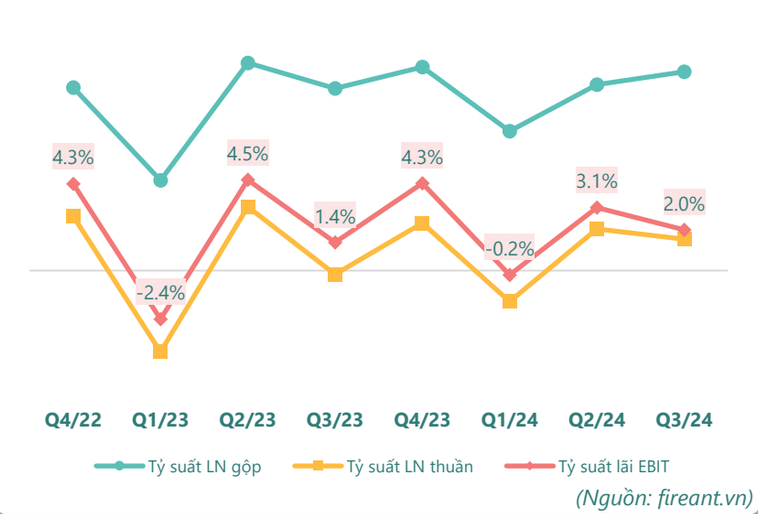

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

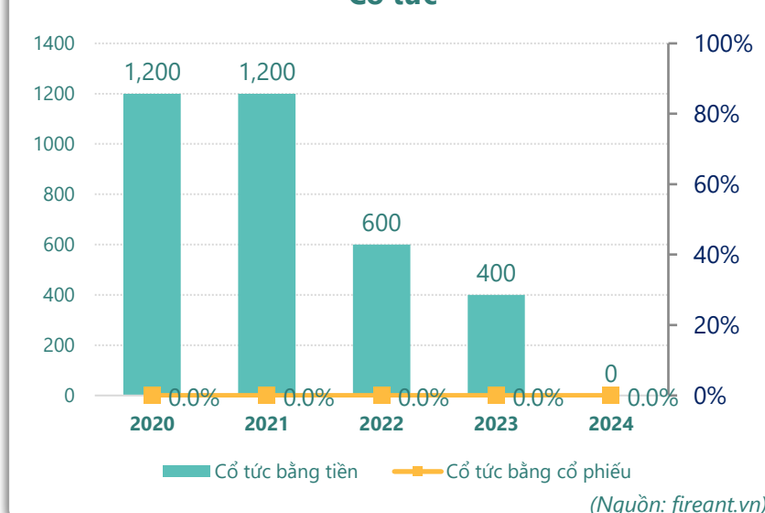

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

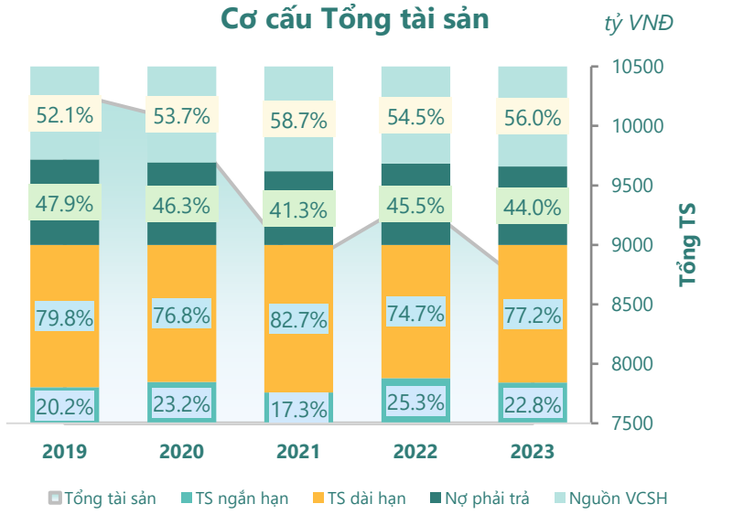

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

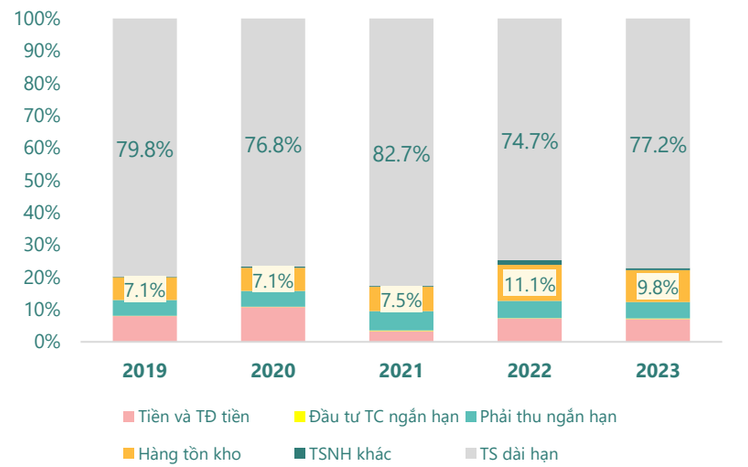

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

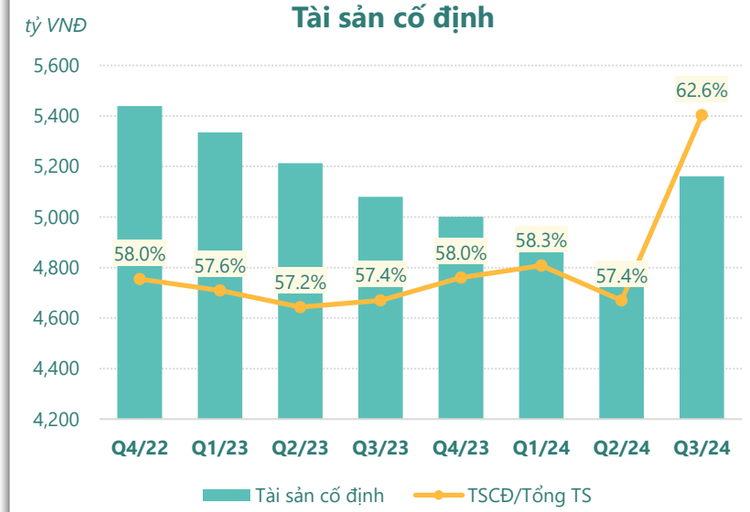

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

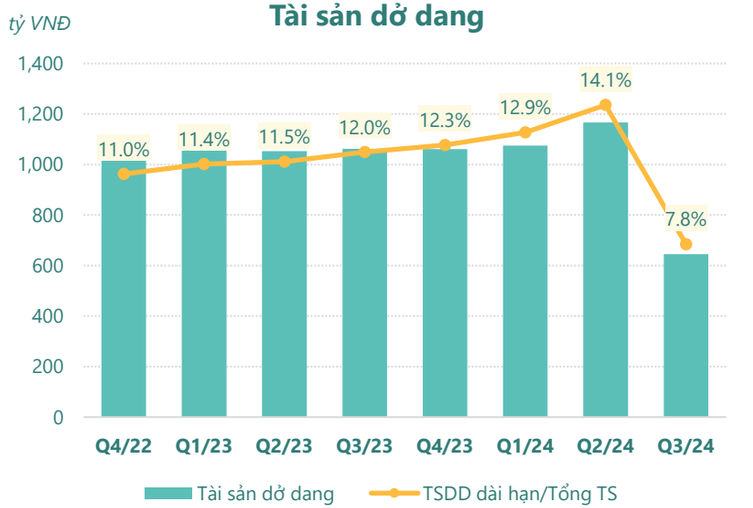

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

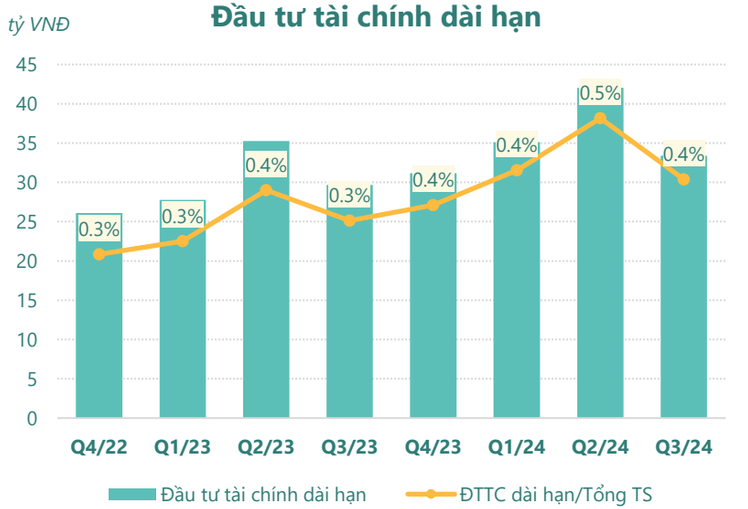

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

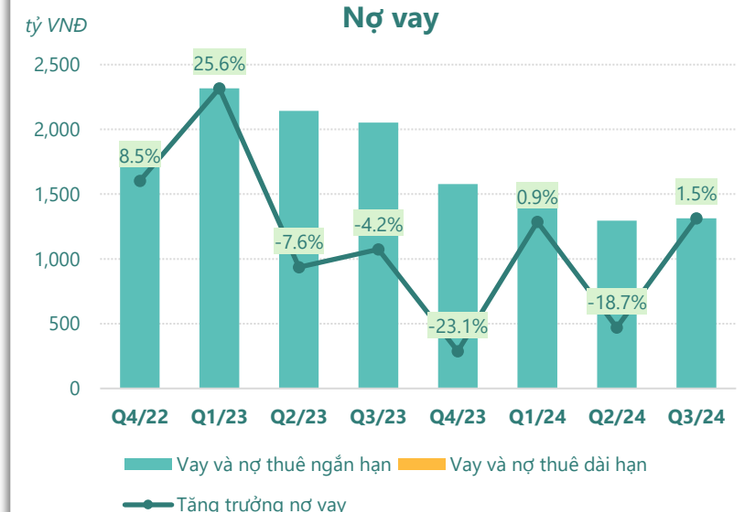

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

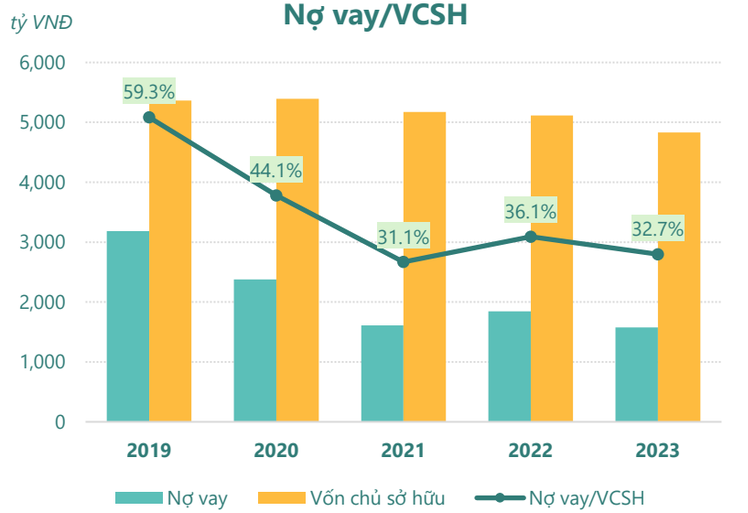

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

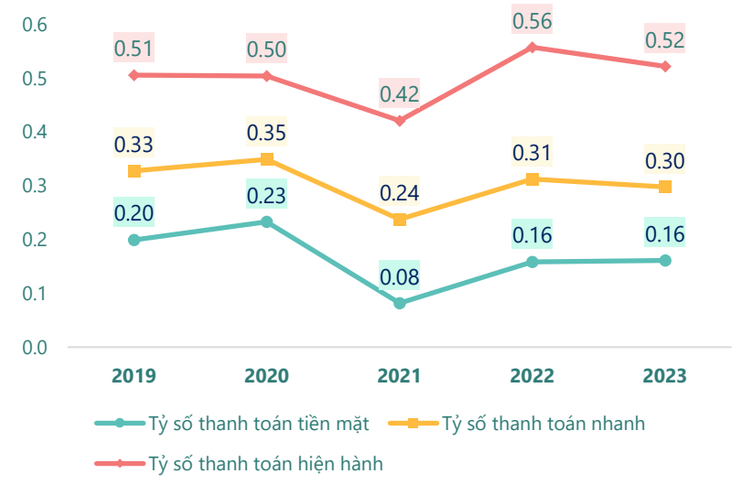

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

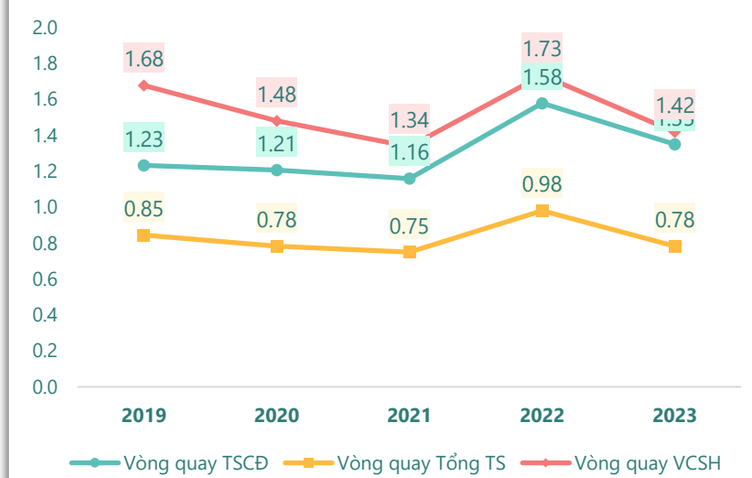

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

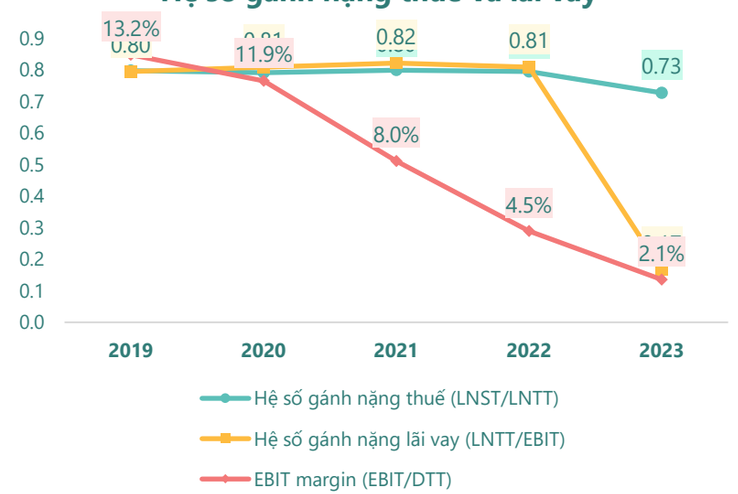

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

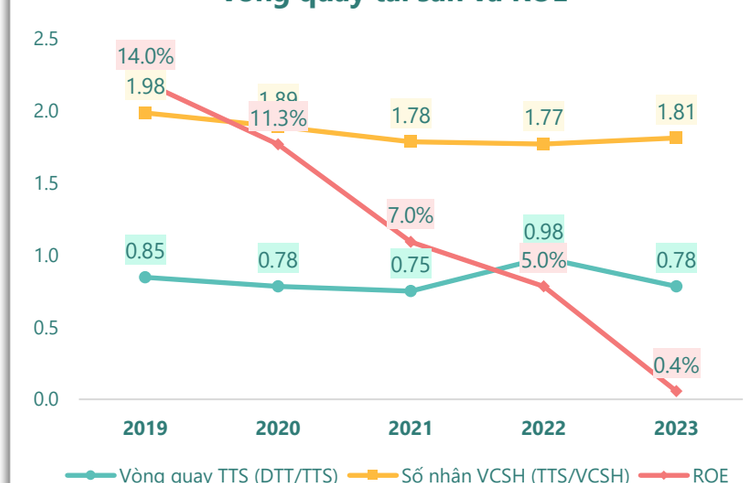

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

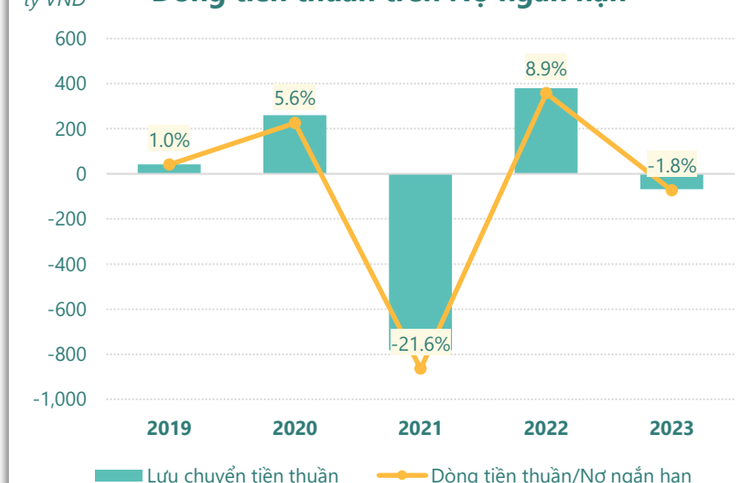

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,638**	**1,576**	**3.9%**	**5,041**	**5,266**	**-4.3%**
Giá vốn hàng bán	1,477	1,434	3.0%	4,600	4,842	-5.0%
Lợi nhuận gộp	162	142	13.8%	441	424	4.0%
Doanh thu HĐTC	3.39	3.58	-5.2%	6.21	4.87	27.4%
Chi phí TC	32.7	44.7	-26.8%	75.5	127	-40.7%
Chi phí lãi vay	11.1	32.2	-65.6%	41.2	102	-59.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	40.9	40.9	-0.1%	127	130	-2.4%
Chi phí QLDN	**65.7**	**63.3**	**3.8%**	**203**	**179**	**13.1%**
LN thuần từ HĐKD	25.6	-2.85	998%	42.0	-7.83	637%
Lợi nhuận khác	**-3.62**	**-7.42**	**51.2%**	**6.29**	**-22.9**	**127%**
LN trước thuế	22.0	-10.3	313%	48.3	-30.7	257%
Lợi nhuận sau thuế	**22.7**	**-10.3**	**320%**	**43.8**	**-37.2**	**218%**
LNST của CĐ cty mẹ	**22.5**	**-10.4**	**317%**	**43.7**	**-37.3**	**217%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	69.4	58.8	867	-132	649	-223
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-23.8	5.41	-66.3	-14.7	-81.2	-43.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-255	-90.3	-505	-36.0	-420	19.8
Tiền đầu kỳ	547	338	312	607	425	573
Lưu chuyển tiền thuần	**-209**	**-26.1**	**296**	**-183**	**148**	**-246**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.56	0.00	-0.11	0.42	0.02	-1.07
Tiền cuối kỳ	338	312	607	425	573	325

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**8,246**	**8,624**	**-4.4%**
Tài sản ngắn hạn	1,780	1,969	-9.6%
Tiền và tương đương tiền	325	607	-46.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.8	16.2	4.0%
Phải thu ngắn hạn	572	439	30.3%
Hàng tồn kho	780	847	-7.8%
Tài sản ngắn hạn khác	84.7	59.9	41.4%
Tài sản dài hạn	**6,466**	**6,655**	**-2.8%**
Phải thu dài hạn	22.7	21.4	6.1%
Tài sản cố định	5,161	5,001	3.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	645	1,061	-39.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	33.4	31.2	7.1%
Tài sản dài hạn khác	**603**	**540**	**11.8%**
Lợi thế thương mại	0.08	0.10	-25.0%
Nợ phải trả	3,387	3,791	-10.6%
Nợ ngắn hạn	**3,366**	**3,771**	**-10.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,314	1,578	-16.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,271	1,231	3.3%
Nợ dài hạn	20.8	19.7	5.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,859**	**4,833**	**0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**4,859**	**4,833**	**0.5%**
Vốn điều lệ	3,816	3,816	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)